

Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh  
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học ; Chuyên ngành: Hóa hữu cơ (Hợp chất thiên nhiên)

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Diệu Liên Hoa

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1957 ; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 281 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, TP Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Diệu Liên Hoa, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0903015028;

E-mail: ndlhoa@hcmus.edu.vn; nguyendieulienhoa@gmail.com

7. Quá trình công tác:

Công tác tại bộ môn Hóa Hữu cơ, khoa Hóa, trường Đại học Tổng hợp TP HCM (nay là trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM) từ khi tốt nghiệp đại học năm 1981 đến nay, ngạch giảng viên. Sau đây là các mốc thời gian chính:

- Từ 1996-1999: Nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS)

- Từ 2002-2007: Phó trưởng khoa Hóa

- Từ 2008-nay: Trưởng phòng thí nghiệm Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng thí nghiệm Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (08)62884499, (08)73089899

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm : Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 08 năm 1984, ngành: Hóa học, chuyên ngành: .....  
Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....  
Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): .....
- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 01 năm 2000, thuộc ngành: Hóa học, chuyên ngành: .....  
Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc gia Singapore (NUS), Singapore
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....  
Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm 2009, ngành: Hóa học

- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM
- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý trích, phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất tự nhiên từ nguồn thực vật Việt Nam
- Khảo sát hoạt tính sinh học của các hợp chất phân lập được, tập trung vào các hoạt tính gây độc tế bào ung thư, trị đái tháo đường và kháng oxy hóa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS, hiện đang hướng dẫn 3 NCS khác.
- Đã hướng dẫn 52 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành 11 đề tài NCKH gồm 2 đề tài NCCB cấp Nhà nước (NAFOSTED), 7 đề tài cấp Bộ hoặc cấp ĐHQG-HCM và 2 đề tài cấp Trường.
- Đã công bố 71 bài báo KH gồm 28 bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín và 43 bài báo quốc gia có uy tín. Trong 71 bài báo, là tác giả chính của 17,5 bài báo quốc tế và 34 bài báo quốc gia.
- Số lượng sách đã xuất bản: 04, tất cả thuộc NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, là một nhà xuất bản có uy tín.

Lịch kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

- Sách giáo trình: *Hóa học các hợp chất tự nhiên*, Nguyễn Diệu Liên Hoa, Phạm Đình Hùng, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2015, ISBN: 978-604-73-3617-3 (xem Hồ sơ, Tập IIa, trang 1-363).
- Sách chuyên khảo: *Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của họ Măng cụt (Guttiferae)*, Chủ biên: Nguyễn Diệu Liên Hoa, Tham gia: Nguyễn Diệu Liên Hoa, Hà Diệu Ly, Nguyễn Thị Lệ Thu, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2019, ISBN: 978-604-73-6668-2 (xem Hồ sơ, Tập IIId, trang 1020-1216).
- Bài báo KH: Xanthones and benzophenones from *Garcinia griffithii* and *G. mangostana*, Nilar, Lien-Hoa D. Nguyen, G. Venkatraman, K. Y. Sim, L. J. Harrison, *Phytochemistry*, Vol. 66, pp. 1718–1723, 2005, thuộc danh mục SCI/ISI; IF (2017/2018): 3,186; số lần trích dẫn: 116 (xem Hồ sơ, Tập IIle, trang 1235-1240).
- Bài báo KH: Phloroglucinol derivatives guttiferone G, aristoforin and hyperforin are inhibitors of human Sirtuins SIRT1 and SIRT2, Claudia Gey, Sergiy Kyrylenko, Lothar Hennig, Lien-Hoa D. Nguyen, Anita Büttner, Hung D. Pham, Athanassios Giannis, *Angewandte Chemie International Edition*, Vol. 46(27), pp. 5219–5222, 2007; thuộc danh mục SCI/ISI; IF (2017/2018): 12,102; số lần trích dẫn: 95 (xem Hồ sơ, Tập IIle, trang 1241-1244).

- Bài báo KH: Anti-diabetic xanthones from the bark of *Garcinia xanthochymus*, Chi N. Nguyen, Binh T. D. Trinh, Toan B. Tran, Le-Thu T. Nguyen, Anna K. Jäger, Lien-Hoa D. Nguyen, *Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters*, Vol. 27, pp. 3301-3304, 2017. SCI/ISI; IF (2017/2018): 2,442; số lần trích dẫn: 07 (xem Hồ sơ, Tập II, trang 1372-1375).

*Ghi chú:* Chỉ số H của ứng viên theo Scopus là 11 và theo Google Scholar Citations cũng là 11 (tra cứu ngày 11/06/2019).

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2003 (QĐ số 62/QĐ-TCHC ngày 29/08/2003)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2004 (QĐ số 182/QĐ-TCHC ngày 28/10/2004)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2005 (QĐ số 231/QĐ/TCHC ngày 15/01/2005)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2006 (QĐ số 328/QĐ-KHTN-TCHC ngày 06/09/2006)
- Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM năm 2006 (QĐ số 821/QĐ-ĐHQG-TĐKT 26/09/2006)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2007 (QĐ số 560/QĐ-KHTN-TCHC ngày 20/08/2007)
- Bằng khen ĐHQG-HCM năm 2007 (QĐ số 933/QĐ-ĐHQG-TĐKT 25/09/2007)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2008 (QĐ số 646/QĐ-KHTN-TCHC ngày 21/08/2008)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2013 (QĐ số 955/QĐ/KHTN-TCHC ngày 05/8/2013)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2014 (QĐ số 1054/QĐ-KHTN-TCHC ngày 06/8/2014)
- Chiến sĩ thi đua cấp Trường năm 2015 (QĐ số 1195/QĐ-KHTN-TCHC ngày 24/08/2015)
- Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM năm 2015 (QĐ số 1646/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2015)
- Bằng khen của ĐHQG-HCM năm 2015 (QĐ số 1467/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2015)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 2016 (QĐ số 1692/QĐ-BGDDT ngày 19/05/2016)

#### 16. Kỷ luật: Không

### B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

#### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, trách nhiệm.
- Có trình độ chuyên môn vững vàng.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và NCKH được giao.
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cán bộ giảng dạy trong nhà trường, giữ gìn uy tín của nhà giáo, hợp tác với đồng nghiệp trong giảng dạy và NCKH, tôn trọng và đối xử công bằng với sinh viên.
- Không ngừng học hỏi và rèn luyện, thường xuyên đọc sách báo và cập nhật kiến thức mới vào nội dung giảng dạy và NCKH.

#### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: gần 38 năm (từ năm 1981 đến nay)

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013- 2014	2		210	140	171	45	216/566
2	2014- 2015	3		315	91	164	45	209/615
3	2015- 2016	3		210	147	187	135	322/679

3 năm học cuối								
4	2016-2017	1		175	322	249	210	459/956
5	2017-2018			51	266	345	165	510/827
6	2018-2019			34	252	423	210	633/919

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm .....đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; Tại nước: Singapore, từ 1996 đến 1999

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Bằng tốt nghiệp ĐH, ngành Anh văn, trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh; số bằng: B252442; năm cấp: 2003

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp ĐH, ngành Anh văn, hệ Tại chức, do trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh cấp năm 2003, số bằng: B252442

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hà Diệu Ly	x		x		2005-2010	Trường Đại học KHTN, ĐHQG-HCM	25/03/2011
2	Nguyễn Thị Lê Thu	x		x		2006-2011	-nt-	18/06/2012
3	Võ Tân Hậu	x			x	2003-2013	-nt-	03/06/2014

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	---------------------------------	---

Trước khi được công nhận chức danh PGS: Chưa có

Sau khi được công nhận chức danh PGS: Đã biên soạn 3 sách giáo trình và 1 sách chuyên khảo

1	Hóa học các hợp chất tự nhiên	GT	NXB ĐHQG-HCM, 2015	2	Đồng tác giả (363 trang)	Số 136/CN-KHTN-DT
2	Cơ chế phản ứng hóa hữu cơ, Tập 1	GT	NXB ĐHQG-HCM, 2015	1	MM (269 trang)	-nt-

3	Cơ chế phản ứng hóa hữu cơ, Tập 2	GT	NXB ĐHQG-HCM, 2018	1	MM (387 trang)	-nt-
4	Thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của họ Măng cụt (Guttiferae)	CK	NXB ĐHQG-HCM, 2019	1	CB (197 trang) CB: Nguyễn Diệu Liên Hoa Tham gia: Nguyễn Diệu Liên Hoa, Hà Diệu Ly, Nguyễn Thị Lệ Thu Phản ứng viên biên soạn: 123 trang (1-41, 48-54, 61-73, 96-105, 136-173, 183-196)	-nt-

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với Ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với Ứng viên chức danh PGS):

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phản ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56, 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT, ...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
1	Bước đầu khảo sát thành phần hóa học cây còng tía ( <i>Calophyllum saigonense Pierre</i> ), họ Guttiferae	CN	Cấp Trường	2000-2001	29/01/2002
2	Bước đầu khảo sát thành phần hóa học cây sơn vé ( <i>Garcinia merguensis Pierre</i> ), họ Guttiferae	CN	Cấp Trường	2001-2002	21/03/2003
3	Cô lập và nhận danh các cầu tử hóa học có trong cao eter dầu hỏa của vỏ trái măng cụt ( <i>Garcinia mangostana</i> )	CN	B2002-18-29, cấp Bộ	2002-2004	18/03/2004
4	Khảo sát thành phần hóa học cao eter dầu hoả của vỏ cây đỗ ngon ( <i>Cratoxylum prunifolium</i> )	CN	B2004-18-18, cấp Bộ	2004-2005	14/06/2005
5	Khảo sát thành phần hóa học vỏ trái măng cụt ( <i>Garcinia mangostana</i> ) và vỏ cây đỗ ngon ( <i>Cratoxylum prunifolium</i> ) (tiếp theo)	CN	B2005-18-09, cấp Bộ	2005-2006	17/04/2008
6	Khảo sát thành phần hóa học vỏ cây trau tráu ( <i>Ochrocarpus siamensis</i> )	CN	B2006-18-13, cấp ĐHQG-HCM	2006-2007	17/04/2008
7	Khảo sát thành phần hóa học của vỏ cây váp ( <i>Mesua ferrea</i> )	CN	B2008-18-23, cấp ĐHQG-HCM	2008-2009	12/08/2010
8	Khảo sát thành phần hóa học của cây ngâu Trung bộ ( <i>Aglaia annamensis</i> ) và cây ngâu rất thơm ( <i>Aglaia odoratissima</i> )	CN	B2009-18-21, cấp ĐHQG-HCM	2009-2010	12/10/2011
9	Phân lập, xác định cấu trúc và khảo sát hoạt tính ức chế tế bào ung thư của các hợp chất tự nhiên có trong cây bứa nam ( <i>Garcinia cochinchinensis</i> ) và cây bứa đồng ( <i>Garcinia schomburgkiana</i> )	CN	104.01-2010.62, đề tài NCCB (NAFOSTED)	2010-2012	29/03/2013
10	Khảo sát thành phần hóa học, hoạt tính kháng oxy hóa và kháng	CN	B2012-18-03TD, cấp ĐHQG-HCM	2012-2014	19/10/2015

	viêm <i>in vivo</i> của một số cây thuốc (bòn bon, bứa Delpy và nhựa dầu rái)				
11	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của hai loài <i>Garcinia</i> (họ Măng cụt, Guttiferae)	CN	104.01-2012.64/ đề tài NCCB (NAFOSTED)	2013-2016	16/06/2016

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

#### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF 2017/2018)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
----	-------------	------------	----------------------------------	---------------------------------------	--------------------------	--------	-------	-------------

**Trước khi được công nhận chức danh PGS:** 13 bài gồm 7 bài quốc tế và 6 bài quốc gia

Bài báo quốc tế: 7 bài (có 1 bài là tác giả chính)

1	Triterpenoid and xanthone constituents of <i>Cratoxylum cochinchinense</i>	2	<i>Phytochemistry</i>	SCI/ISI (3,186)	63	50/3	471-476	1999
2	Photoelectron spectroscopy of natural products. Part 1. Polypodanes	4	<i>Journal of Physical Organic Chemistry</i>	SCIE/ISI (1,591)	1	12/10	765-768	1999
3	Xanthones and triterpenoids from the bark of <i>Garcinia villosiana</i>	2	<i>Phytochemistry</i>	SCI/ISI (3,186)	29	53/1	111-114	2000
4	Xanthones from the bark of <i>Garcinia merguensis</i>	5	<i>Phytochemistry</i>	SCI/ISI (3,186)	44	63/4	467-470	2003
5	Xanthones and benzophenones from <i>Garcinia griffithii</i> and <i>G. mangostana</i>	5	<i>Phytochemistry</i>	SCI/ISI (3,186)	115	66/14	1718-1723	2005
6	Phloroglucinol derivatives guttiferone G, aristoforin and hyperforin are inhibitors of Human Sirtuins SIRT1 and SIRT2	7	<i>Angewandte Chemie – International Edition</i>	SCI/ISI (12,102)	95	46/27	5219-5222	2007
7	Cytotoxic geranylated xanthones and O-alkylated derivatives of $\alpha$ -mangostin	6	<i>Chemical &amp; Pharmaceutical Bulletin</i>	SCIE/ISI (1,258)	34	57/8	830-834	2009

Bài báo quốc gia: 6 bài (có 2 bài là tác giả chính)

8	Khảo sát thành phần hóa học cây còng tía ( <i>Calophyllum saigonense</i> )	3	<i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>		7/11	25-28	2004
9	Khảo sát thành phần hóa học vỏ cây mù u	3	<i>Tạp chí Dược liệu</i>		10/6	172-175	2005



	( <i>Calophyllum inophyllum</i> )						
10	Khảo sát hoạt tính ức chế tăng trưởng của các cây thuốc Việt Nam trên dòng tế bào ung thư cổ tử cung HeLa	8	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ			11/1	74-81 2008
11	Phân lập và nhận danh hợp chất phenol từ vỏ cây còng tía ( <i>Calophyllum calaba</i> L. var. <i>bracteatum</i> (Wight) Stevens)	5	Tạp chí Dược liệu			13/5	223-226 2008
12	Cô lập và nhận danh dẫn xuất phenol từ vỏ cây sơn vé ( <i>Garcinia merguensis</i> )	5	Tạp chí Hóa học			46/5	572-576 2008
13	Cô lập xanthon có hoạt tính kháng khuẩn từ vỏ trái măng cụt ( <i>Garcinia mangostana</i> L.)	4	Tạp chí Dược học			395/3	25-29 2009

**Sau khi được công nhận chức danh PGS:** có 58 bài, gồm 21 bài quốc tế và 37 bài quốc gia.

Bài báo quốc tế: 21 bài (có 17,5 bài là tác giả chính)

1	Cytotoxic coumarins from the bark of <i>Mammea siamensis</i>	8	Chemical & Pharmaceutical Bulletin	SCI/ISI (1,258)	25	58/11	1487-1491	2010
2	Friedolanostane, friedocycloartane and benzophenone constituents of the bark and leaves of <i>Garcinia benthami</i>	9	Phytochemistry	SCI/ISI (3,186)	21	72	290-295	2011
3	Xanthones from the twigs of <i>Cratoxylum cochinchinense</i>	6	Phytochemistry Letters	SCIE/ISI (1,575)	10	4/1	48-51	2011
4	Guttiferones Q-S, cytotoxic polyisoprenylated benzophenones from the pericarp of <i>Garcinia cochinchinensis</i>	3	Phytochemistry Letters	SCIE/ISI (1,575)	30	4/2	129-133	2011
5	Polyisoprenylated acylphloroglucinols and a polyisoprenylated tetracyclic xanthone from the bark of <i>Calophyllum thorelii</i>	8	Tetrahedron Letters	SCI/ISI (2,125)	11	53/34	4487-4493	2012
6	Oliveridepsidones A-D, antioxidant depsidones from <i>Garcinia oliveri</i>	5	Magnetic Resonance in Chemistry	SCI/ISI (1,776)	11	50/3	242-245	2012
7	A new chromanone acid from the bark of <i>Calophyllum dryobalanoides</i>	5	Phytochemistry Letters	SCIE/ISI (1,575)	11	5/2	287-291	2012
8	Cytotoxic tetraoxygenated xanthones from the bark of <i>Garcinia schomburgkiana</i>	10	Phytochemistry Letters	SCIE/ISI (1,575)	20	5/3	553-557	2012

9	Xanthones from the bark of <i>Garcinia pedunculata</i>	6	<i>Phytochemistry Letters</i>	SCIE/ISI (1,575)	13	5/4	766-769	2012
10	Polyisoprenylated benzophenone and xanthone constituents of the bark of <i>Garcinia cochinchinensis</i>	6	<i>Phytochemistry Letters</i>	SCIE/ISI (1,575)	10	6/2	224-227	2013
11	A new xanthone from the bark of <i>Calophyllum thorelii</i>	3	<i>Natural Product Research</i>	SCIE/ISI (1,928)	7	27/6	563-567	2013
12	A protostane and two lanostanes from the bark of <i>Garcinia ferrea</i>	6	<i>Phytochemistry Letters</i>	SCIE/ISI (1,575)	8	10	123-126	2014
13	Isoprenylated xanthone and benzophenone constituents of the pericarp of <i>Garcinia planchonii</i>	4	<i>Natural Product Communications</i>	SCIE/ISI (0,809)	4	9/12	1737-1740	2014
14	Geranylated tetraoxxygenated xanthones from the pericarp of <i>Garcinia pedunculata</i>	5	<i>Phytochemistry Letters</i>	SCIE/ISI (1,575)	4	13	119-122	2015
15	A depsidone and six triterpenoids from the bark of <i>Garcinia ferrea</i>	6	<i>Tetrahedron Letters</i>	SCI/ISI (2,125)	6	57/23	2524-2529	2016 (Jun)
16	Thoreliolides A and B, two polyisoprenylated benzoylphloroglucinol derivatives with a new carbon skeleton from the fruits of <i>Calophyllum thorelii</i>	6	<i>Tetrahedron Letters</i>	SCI/ISI (2,125)	3	57/25	2737-2741	2016 (Jun)

Bài báo quốc tế 3 năm cuối: 5 bài (có 4,5 bài là tác giả chính)

17	Xanthones from the twigs of <i>Garcinia oblongifolia</i> and their anti-diabetic activity	6	<i>Fitoterapia</i>	SCIE/ISI (2,642)	5	118	126-131	2017
18	Anti-diabetic xanthones from the bark of <i>Garcinia xanthochymus</i>	6	<i>Bioorganic &amp; Medicinal Chemistry Letters</i>	SCI/ISI (2,442)	7	27	3301-3304	2017
19	$\alpha$ -Glucosidase inhibitory xanthones from the roots of <i>Garcinia fusca</i>	7	<i>Chemistry &amp; Biodiversity</i>	SCIE/ISI (1,617)	4	doi: 10.1002/cbdv.201700232		2017
20	Labdane and norlabdane diterpenoids from the aerial parts of <i>Leonurus japonicus</i>	7	<i>Phytochemistry Letters</i>	SCIE/ISI (1,575)	2	22	174-178	2017
21	Cytotoxic limonoids from the bark of <i>Walsura cochinchinensis</i>	10	<i>Fitoterapia</i>	SCIE/ISI (2,642)		133	75-79	2019

Bài báo quốc gia: 37 bài (có 32 bài là tác giả chính)

22	Xanthones from the bark of <i>Garcinia</i>	4	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>			47/4A	284-288	2009
----	--	---	-------------------------------------	--	--	-------	---------	------

	<i>vilarsiana</i>							
23	Chemical constituents of the bark of <i>Cratoxylum formosum</i> subsp. <i>formosum</i>	4	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>			47/4A	329-332	2009
24	Triterpenoids from the bark of <i>Mesua ferrea</i>	4	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>			47/4A	352-356	2009
25	Tách, cô lập và điều chế một số dẫn xuất của axit chromanon có độc tính tế bào từ vỏ cây còng nước ( <i>Calophyllum dongnaiense</i> )	6	<i>Tạp chí Hóa học</i>			47/4A	347-351	2009
26	Cô lập và xác định cấu trúc năm dẫn xuất xanthon từ vỏ trái măng cụt ( <i>Garcinia mangostana</i> )	4	<i>Tạp chí Dược học</i>			400/8	18-22	2009
27	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của $\alpha$ -, $\beta$ -, $\gamma$ - mangostin và các chất chuyển hóa O-alkyl $\alpha$ -mangostin bằng phương pháp 1,1-diphenyl-2-picrylhydrazyl (DPPH)	3	<i>Tạp chí Dược liệu</i>			14/5	274-276	2009
28	Thorexanthone, một xanthone mới từ trái cây còng mù u ( <i>Calophyllum thorelii</i> )	3	<i>Tạp chí Hóa học</i>			48/4B	360-364	2010
29	Xanthone từ cành cây còng nước ( <i>Calophyllum dongnaiense</i> )	5	<i>Tạp chí Hóa học</i>			48/4B	365-370	2010
30	Một triterpenoid ester mới từ lá và cành cây ngâu rất thơm ( <i>Aglai odoratissima</i> )	4	<i>Tạp chí Hóa học</i>			48/4B	371-376	2010
31	Khảo sát thành phần hóa học vỏ cây thành ngạnh đep ( <i>Cratoxylum formosum</i> subsp. <i>prunifolium</i> )	3	<i>Tạp chí Hóa học</i>			48/4B	377-382	2010
32	Khảo sát thành phần hóa học cây ngâu Trung bộ ( <i>Aglai annamensis</i> )	3	<i>Tạp chí Hóa học</i>			48/4B	383-388	2010
33	Phân lập và nhận danh hợp chất phenol từ vỏ cây còng mù u ( <i>Calophyllum thorelii</i> )	3	<i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i>			15/3	26-31	2010
34	Hợp chất phenol từ cao ethyl acetat của trái cây còng mù u ( <i>Calophyllum thorelii</i> )	3	<i>Tạp chí Dược liệu</i>			15/4	234-237	2010
35	Khảo sát thành phần hóa học vỏ cây sầu đỏ ( <i>Sandoricum koetjape</i> )	3	<i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>			14/2	82-88	2011
36	Khảo sát thành phần	5	<i>Tạp chí Hóa học</i>			50/4A	147-	2012

	hóa học của vỏ cây còng trắng ( <i>Calophyllum dryobalanoides</i> )						150	
37	Phân lập tritecpenoid từ vỏ trái sầu đỏ ( <i>Sandoricum koetjape</i> )	3	Tạp chí Hóa học			50/4A	170-173	2012
38	Triterpenoid và limonoid từ vỏ cây Tiama ( <i>Entandrophragma angolense</i> )	3	Tạp chí Hóa học			50/4A	262-265	2012
39	Khảo sát thành phần hóa học cao ethyl acetate của vỏ cây còng núi ( <i>Calophyllum dryobalanoides</i> )	3	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			50/3A	145-150	2012
40	Khảo sát thành phần hóa học của vỏ cây vàng nhựa ( <i>Garcinia vilersiana</i> )	5	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			50/3A	175-180	2012
41	Khảo sát thành phần hóa học của vỏ cây quao nước ( <i>Dolichandrone spathacea</i> )	5	Tạp chí Hóa học			51/2AB	477-481	2013
42	Khảo sát thành phần hóa học của lá và cành non cây huỳnh đằng hai tuyến ( <i>Dysoxylum binectariferum</i> )	5	Tạp chí Hóa học			51/2C	931-934	2013
43	Xanthon từ cành cây vấp ( <i>Mesua ferrea</i> )	6	Tạp chí Hóa học			51/6AB C	160-164	2013
44	Phân lập coumarin và xanthon từ lá cây mai mù u ( <i>Mammea siamensis var. odoratissimus</i> )	3	Tạp chí Hóa học			51/6AB C	165-168	2013
45	Khảo sát thành phần hóa học của cành cây vấp nhiều hoa ( <i>Mesua floribunda</i> )	4	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học			18/4	94-100, 127	2013
46	Khảo sát thành phần hóa học cao hexan của lá cây trắc bách diệp ( <i>Biota orientalis</i> )	3	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học			20/3	123-129	2015
47	Khảo sát thành phần hóa học cao etyl acetat của vỏ cây đào tiên ( <i>Crescentia cujete</i> )	4	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học			20/3	274-277	2015
Bài báo quốc gia 3 năm cuối: 11 bài (có 8 bài là tác giả chính)								
48	Furanocoumarin từ rễ cây bạch chỉ ( <i>Angelica dahurica</i> )	6	Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			32/3	19-24	2016 (tháng 10)
49	Phân lập diterpenoid từ lá cây trắc bách diệp ( <i>Biota orientalis</i> )	5	Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			32/3	57-61	2016 (tháng 10)
50	Triterpenoid và sterol từ	6	Tạp chí Khoa học			32/3	79-84	2016

	nấm linh chi <i>Ganoderma japonicum</i>		<i>ĐHQG Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i>				(tháng 10)
51	Một triterpenoid và bốn xanthon từ vỏ cây thành ngạnh nam ( <i>Cratoxylum cochinchinense</i> )	2	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i>		32/4	110- 114	2016 (tháng 10)
52	Coumarin và acridon alkaloid từ rễ cây Xáo tam phân ( <i>Paramignya trimera</i> )	6	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i>		32/4	115- 123	2016 (tháng 10)
53	Xanthones and benzoylphloroglucinols from the bark of <i>Garcinia xanthochymus</i>	2	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>		55/3	187- 192	2017
54	A diterpenoid and four phenolic compounds from the bark of <i>Cratoxylum cochinchinense</i>	4	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>		55/1	206- 210	2017
55	Phenolic compounds from the bark of <i>Garcinia oliveri</i>	5	<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>		55/5E3, 4	411- 416	2017
56	Chromen và coumarin từ rễ cây xáo tam phân ( <i>Paramignya trimera</i> )	4	<i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>		20/5	131- 135	2017
57	Sesqui- và triterpenoid từ vỏ trái bòn bon ( <i>Lansium domesticum</i> )	5	<i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ</i>		21/1	49-54	2018
58	Triterpenoid và hợp chất thơm từ vỏ cây gội tía ( <i>Amoora gigantea</i> )	9	<i>Tạp chí Hóa học</i>		56/3E1 2	95-99	2018

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

#### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

#### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

- Là thành viên của Hội đồng Khoa học Khoa Hóa từ năm 2012 đến nay, đã tham gia xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đại học (hệ Chính quy, hệ Cử nhân tài năng và hệ Công nghệ kỹ thuật hóa học) và đào tạo sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ) ở Khoa Hóa.
- Là thành viên của Bộ môn Hóa hữu cơ, Khoa Hóa, đã tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học và sau đại học chuyên ngành Hóa hữu cơ từ năm 2000 đến nay với nhiều thay đổi và hoàn thiện.



9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

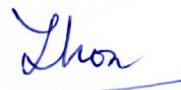
- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2019

Người đăng ký



Nguyễn Diệu Liên Hoa

**D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC**

- Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.  
(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**HIỆU TRƯỞNG**



Trần Linh Thư

